

BẢN SAO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI**

Cho quý I năm 2015

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

ĐÃ THU PHÍ

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực/21.....Quyển số.....SCT/BS

Ngày 03 - 09 - 15



PHÓ CHỦ TỊCH
Phạm Mạnh Hoàng

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 – 03
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	06 – 09
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý I năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho quý I năm 2015	11 – 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho quý I năm 2015	13 – 25

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho quý I năm 2015 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602217238 ngày 14 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 2) ngày 28 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 24.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Mã số thuế : 3 6 0 2 2 1 7 2 3 8

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý du lịch: Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định);
- Sản xuất các loại bánh từ bột: Sản xuất bánh mì;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng	Chủ tịch	14 tháng 01 năm 2010	-
Bà Dương Thanh Thủy	Thành viên	14 tháng 01 năm 2010	-
Bà Lê Thị Việt Thu	Thành viên	14 tháng 01 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN – ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2014	-
Bà Dương Thanh Thủy	Tổng Giám đốc	25 tháng 12 năm 2009	02 tháng 01 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho quý I năm 2015, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sài Gòn – Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho quý I năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thị Bạch Tuyết
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 04 năm 2015

Số: 135/2015/BCTC-AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho quý I năm 2015
của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai, được lập ngày 15 tháng 04 năm 2015, từ trang 06 đến trang 25 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

HEAD OFFICE:

Add: R.2407, Building 34T, Trung Hoa - Nhân Chính Urban,
Hoàng Đạo Thúy Str., Trung Hoa Ward, Cầu Giấy Dist., Hà Nội, Vietnam
Ref Office: R1501, Building 17T5, Trung Hoa - Nhân Chính Urban,
Hoàng Đạo Thúy Str., Nhân Chính Ward, Thanh Xuân Dist., Hà Nội, Vietnam
Tel: 84.4.2.2210082 / 84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.22100084
Email: info@aat.vn

HO CHI MINH CITY BRANCH:

Address: R11.5, Block B, Indochina Park Tower,
4 Nguyễn Đình Chiểu Str., Đa Kao Ward, Dist. 1, Hồ Chí Minh City
Tel: 84.8.39 11 88 39 - Fax: 84.8.39 11 89 39

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sài Gòn – Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho quý I năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh VIII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 Công ty tiếp tục lỗ 3.062.613.484 VND làm cho khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 lên đến 32.802.529.993 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 64.220.253.712 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán,
Kế toán và Tư vấn Thuế AAT



Đông Thị Thảo
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0162-2013-141-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Nguyệt

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0589-2013-141-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.624.053.149	8.200.583.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		138.003.623	462.051.580
1. Tiền	111	V.1	138.003.623	462.051.580
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		464.824.155	515.001.723
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	201.592.662	245.215.921
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	262.523.493	260.753.765
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		708.000	9.032.037
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.505.674.332	6.475.446.007
1. Hàng tồn kho	141	V.4	6.505.674.332	6.475.446.007
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		515.551.039	748.083.950
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	229.863.381	226.669.600
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		263.312.531	494.239.223
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	22.375.127	27.175.127

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.387.107.719	94.334.229.273
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		93.167.208.809	94.135.426.144
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	78.210.053.290	79.091.441.529
<i>Nguyên giá</i>	222		84.365.528.827	84.224.178.827
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.155.475.537)	(5.132.737.298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	14.957.155.519	15.043.984.615
<i>Nguyên giá</i>	228		15.621.883.683	15.621.883.683
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(664.728.164)	(577.899.068)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		219.898.910	198.803.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	219.898.910	198.803.129
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101.011.160.868	102.534.812.533

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		109.813.690.861	108.274.729.042
I. Nợ ngắn hạn	310		71.844.306.861	69.154.745.042
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	57.224.530.006	54.532.343.301
2. Phải trả người bán	312	V.11	3.339.596.097	4.487.009.232
3. Người mua trả tiền trước	313		159.662.168	54.648.171
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	35.334.227	31.924.496
5. Phải trả người lao động	315		285.734.258	335.305.711
6. Chi phí phải trả	316	V.13	9.149.639.361	8.082.192.431
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.649.810.744	1.631.321.700
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.969.384.000	39.119.984.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	37.969.384.000	39.119.984.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(8.802.529.993)	(5.739.916.509)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(8.802.529.993)	(5.739.916.509)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	24.000.000.000	24.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.16	(32.802.529.993)	(29.739.916.509)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101.011.160.868	102.534.812.533

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

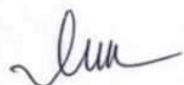
Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Xuân Thy
Kế toán trưởngNguyễn Thị Bạch Tuyết
Tổng Giám đốcĐồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2015 

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.412.662.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.412.662.200
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.753.309.552
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		659.352.648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		419.649
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	2.162.877.732
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.162.877.732
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	153.140.206
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	1.426.688.220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.082.933.861)
11. Thu nhập khác	31		20.320.377
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác	40		20.320.377
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.062.613.484)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.062.613.484)


Nguyễn Xuân Thy
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 13 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Thị Bạch Tuyết
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.062.613.484)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.109.567.335
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-
- Chi phí lãi vay	06		2.162.877.732
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		209.831.583
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		285.904.260
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.228.325)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.165.502.618)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24.289.562)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.724.284.662)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(141.350.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(141.350.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.10, V.15	5.980.646.705
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.10, V.15	(4.439.060.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.541.586.705
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(324.047.957)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	462.051.580
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	138.003.623

Nguyễn Xuân Thy
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 28 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Thị Bạch Tuyết
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602217238 ngày 14 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 2) ngày 28 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 24.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế : 3 6 0 2 2 1 7 2 3 8

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: Chế biến thủy hải sản xuất khẩu và Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý du lịch: Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định);
- Sản xuất các loại bánh từ bột: Sản xuất bánh mì;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 45 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	76.402.916	111.862.779
Tiền gửi ngân hàng (*)	61.600.707	345.866.266
Tiền đang chuyển	-	4.322.535
Cộng	138.003.623	462.051.580

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Framas Korea Vina	48.186.180	51.208.573
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần tập đoàn Trung Thủy	74.551.528	74.551.528
Các khách hàng khác	33.854.954	74.455.820
Cộng	201.592.662	245.215.921

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đầu Tư Kỹ Thuật Xây Dựng (ECI)	163.264.237	163.264.237
Các nhà cung cấp khác	99.259.256	97.489.528
Cộng	262.523.493	260.753.765

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	142.941.343	101.222.214
Hàng hóa	6.362.732.989	6.374.223.793
Cộng	6.505.674.332	6.475.446.007

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ.

	Kỳ này
Số đầu năm	226.669.600
Phát sinh tăng	94.905.037
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(91.711.256)
Số cuối kỳ	229.863.381

6. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng nhân viên phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	13.375.127	18.175.127
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	9.000.000
Cộng	22.375.127	27.175.127

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.053.107.265	7.666.546.353	2.204.525.209	300.000.000	84.224.178.827
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	141.350.000	-	-	141.350.000
Số cuối kỳ	74.053.107.265	7.807.896.353	2.204.525.209	300.000.000	84.365.528.827
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.931.952.199	720.417.581	339.157.724	141.209.793	5.132.737.298
Khấu hao trong kỳ	791.696.825	176.075.269	42.394.716	12.571.429	1.022.738.239
Số cuối kỳ	4.723.649.024	896.492.850	381.552.440	153.781.222	6.155.475.537
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	70.121.155.066	6.946.128.772	1.865.367.485	158.790.207	79.091.441.529
Số cuối kỳ	69.329.458.241	6.911.403.503	1.822.972.769	146.218.778	78.210.053.290

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hìnhLà quyền sử dụng 16.787,6 m² (thửa đất số 647, tờ bản đồ số 41) và quyền sử dụng 10.888,0 m² (thửa đất số 646, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	15.621.883.683	(577.899.068)	15.043.984.615
Tăng trong năm	-	(86.829.096)	-
Số cuối kỳ	15.621.883.683	(664.728.164)	14.957.155.519

Các Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với các Quyền sử dụng đất được cầm cố đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)- Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302612 ngày 07/05/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ.

	Kỳ này
Số đầu năm	198.803.129
Phát sinh tăng	65.454.545
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(44.358.764)
Số cuối kỳ	219.898.910

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	6.881.949.370	4.748.713.465
Ông Dương Quốc Tiến	50.342.580.636	49.783.629.836
Cộng	57.224.530.006	54.532.343.301

Chi tiết số phát sinh các khoản vay ngắn hạn trong kỳ:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) ⁽¹⁾	4.748.713.465	2.133.235.905	-	6.881.949.370
Ông Dương Quốc Tiến ⁽²⁾	49.783.629.836	3.847.410.800	(3.288.460.000)	50.342.580.636
Cộng	54.532.343.301	5.980.646.705	(3.288.460.000)	57.224.530.006

(1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) theo hợp đồng hạn mức số 2000-LAV-201401814 ngày 03 tháng 04 năm 2014. Lãi suất điều chỉnh theo từng lần giải ngân. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(2) Là khoản vay ngắn hạn của ông Dương Quốc Phong phục vụ cho việc xây dựng các công trình, lãi suất 10%/năm.

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại dịch vụ cơ khí Huỳnh Bằng	1.864.062.142	3.106.770.238
Cty TNHH Artelia Việt Nam	267.099.580	267.099.580
Công ty cổ phần tập đoàn Trung Thủy	124.880.000	124.880.000
Công ty cổ phần đầu tư An Thủy Anh	155.485.000	-
Các nhà cung cấp khác	928.069.375	988.259.414
Cộng	3.339.596.097	4.487.009.232

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.924.496	35.334.230	(31.924.499)	35.334.227
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	31.924.496	38.334.230	(34.924.499)	35.334.227

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.060.019.318)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-
Điều chỉnh tăng	
Điều chỉnh giảm	
Thu nhập tính thuế	(3.060.019.318)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	8.996.017.995	7.748.764.951
Phí phục vụ trích trước	153.621.366	-
Chi phí trích trước khác	-	333.427.480
Cộng	9.149.639.361	8.082.192.431

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Tập đoàn Trung Thủy	21.457.058	21.457.058
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	939.389.412	955.864.701
Phải trả khác	688.964.274	653.999.941
Cộng	1.649.810.744	1.631.321.700

15. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)- Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302612 ngày 07/05/2013. Số tiền vay 46.360.000.000 VND, mục đích vay đầu tư dự án trạm dừng chân Long Thành - Đồng Nai (giai đoạn 1). Thời hạn giải ngân tối đa đến ngày 31/12/2013, thời gian ân hạn 0 tháng, thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, nợ gốc được trả tối đa không quá 40 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 03 tháng. Lãi suất được điều chỉnh kỳ 3 tháng một lần theo lãi suất Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

Khoản vay được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 729/EIBSD1-TDDN/TCTS/2013 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 730/EIBSGD1-TDDN/TCTS/2013, gồm các tài sản:

- Quyền sử dụng 16.787,6 m² (thửa đất số 647, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quyền sử dụng 10.888,0 m² (thửa đất số 646, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với Quyền sử dụng 16.787,6 m² (thửa đất số 647, tờ bản đồ số 41) và Quyền sử dụng 10.888,0 m² (thửa đất số 646, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong kỳ:

	Kỳ này
Số đầu năm	39.119.984.000
Số tiền vay trong kỳ	-
Số tiền trả nợ gốc trong kỳ	(1.150.600.000)
Số cuối kỳ	37.969.384.000

16. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	24.000.000.000	(29.739.916.509)	(5.739.916.509)
Lợi nhuận trong kỳ	-	(3.062.613.484)	(3.062.613.484)
Số dư cuối kỳ	24.000.000.000	(32.802.529.993)	(8.802.529.993)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lê Thị Việt Thư	2.400.000.000	2.400.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy	15.600.000.000	15.600.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này
Doanh thu nhà hàng	2.933.330.432
Doanh thu bán hàng hóa	385.810.863
Doanh thu bán bánh mì	93.520.905
Doanh thu thuần	3.412.662.200

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này
Giá vốn nhà hàng	2.197.468.511
Giá vốn bán hàng hóa	454.686.415
Giá vốn bán bánh mì	101.154.626
Giá vốn hàng bán	2.753.309.552

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

4. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nhân viên	53.580.224
Chi phí vật liệu, bao bì	14.772.500
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	18.188.696
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.985.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.428.250
Chi phí bằng tiền khác	16.184.727
Cộng	153.140.206

5. Chi phí quản lý

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nhân viên quản lý	737.947.389
Chi phí vật liệu quản lý	54.097.828
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.709.046
Chi phí khấu hao TSCĐ	162.482.839
Thuế, phí và lệ phí	8.979.427
Chi phí dịch vụ mua ngoài	398.275.489
Chi phí bằng tiền khác	53.196.202
Cộng	1.426.688.220

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Công nợ phải trả công trình xây dựng	-
Lãi vay chưa thanh toán	1.247.253.044
Cộng	1.247.253.044

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy	Chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Kỳ này

Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
Mua tài sản cố định vô hình -

Công ty cổ phần Tập Đoàn Trung Thủy
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ 385.911.700
Mua dịch vụ 87.881.166
Cộng 473.792.866

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy		
Phải thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	74.551.528	19.768.720
Cộng nợ phải thu	74.551.528	19.768.720

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy		
Phải trả tiền dịch vụ	124.880.000	119.215.000
Phải trả tiền thu chi hộ	21.457.058	21.457.058
Cộng nợ phải trả	146.337.058	140.672.058

3. Khả năng hoạt động liên tục

Trong quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty tiếp tục lỗ 3.062.613.484 VND làm cho khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 03 năm 2015 lên đến 32.802.529.993 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 64.220.253.712 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, chủ đầu tư và các Công ty khác trong cùng Tập đoàn cam kết hỗ trợ tài chính, hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Sài Gòn – Đồng Nai bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu hoàn trả các khoản vay và lãi vay đến hạn thanh toán. Do vậy Báo cáo tài chính cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.003.623	462.051.580	138.003.623	462.051.580
Phải thu khách hàng	201.592.662	245.215.921	201.592.662	245.215.921
Các khoản phải thu khác	708.000	9.032.037	708.000	9.032.037
Cộng	340.304.285	716.299.538	340.304.285	716.299.538
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.339.596.097	4.487.009.232	3.339.596.097	4.487.009.232
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	95.193.914.006	93.652.327.301	95.193.914.006	93.652.327.301
Chi phí phải trả	9.149.639.361	8.082.192.431	9.149.639.361	8.082.192.431

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	35.334.227	31.924.496	35.334.227	31.924.496
Phải trả người lao động	285.734.258	335.305.711	285.734.258	335.305.711
Các khoản phải trả khác	1.649.810.744	1.631.321.700	1.649.810.744	1.631.321.700
Cộng	109.654.028.693	108.220.080.871	109.654.028.693	108.220.080.871

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	3.339.596.097	-	3.339.596.097
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	57.224.530.006	37.969.384.000	95.193.914.006
Chi phí phải trả	9.149.639.361	-	9.149.639.361
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	35.334.227	-	35.334.227
Phải trả người lao động	285.734.258	-	285.734.258
Các khoản phải trả khác	1.649.810.744	-	1.649.810.744
Cộng	71.684.644.693	37.969.384.000	109.654.028.693
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	4.487.009.232	-	4.487.009.232
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	54.532.343.301	39.119.984.000	93.652.327.301
Chi phí phải trả	8.082.192.431	-	8.082.192.431
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.924.496	-	31.924.496
Phải trả người lao động	335.305.711	-	335.305.711
Các khoản phải trả khác	1.631.321.700	-	1.631.321.700
Cộng	69.100.096.871	39.119.984.000	108.220.080.871

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

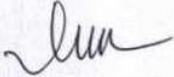
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý I năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.



Nguyễn Xuân Thy
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2015 

Nguyễn Thị Bạch Tuyết
Tổng Giám đốc



